HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỬA HÀNG GIÀY

Mục lục

[A. Mô tả hệ thống 1](#_Toc56339467)

[B. Thông tin chức vụ trong hệ thống 1](#_Toc56339468)

[1. Người quản lý – chủ tiệm 1](#_Toc56339469)

[2. Thư ký 1](#_Toc56339470)

[3. Thủ kho 1](#_Toc56339471)

[4. Nhân viên lập hóa đơn 2](#_Toc56339472)

[C. Quy trình 2](#_Toc56339473)

[1. Quy trình nhập hàng 2](#_Toc56339474)

[2. Quy trình bán hàng 2](#_Toc56339475)

[D. Biểu đồ Use Case 2](#_Toc56339476)

[E. Chức năng và phi chứ 9](#_Toc56339477)

[1. Chức năng 9](#_Toc56339478)

[2. Phi chức năng 11](#_Toc56339479)

[F. Sơ đồ use case và active 11](#_Toc56339480)

[G. Sơ đồ sequence 14](#_Toc56339481)

[H. Các từ chuyên ngành bán hàng 14](#_Toc56339482)

# Tổng quan

-Phần mềm giúp cho các chủ hay quản lý tiệm cửa hàng giày dễ dàng quản lý cửa hàng của mình về hàng hóa, hóa đơn, … thông qua máy tính hoặc table với các công cụ hỗ trợ (máy quét mã vạch).

Giúp người dùng quản lý thông tin một cách nhanh chóng và khái quát nhất tình hình hoạt động của gian hàng từ:

- Các số liệu thống kê tình hình hoạt động kinh doanh của gian hàng dưới dạng biểu đồ.

- Giới thiệu các tính năng mới, chương trình kết nối giữa Kiotviet và khách hàng.

- Thông tin về các hoạt động của người dùng trên gian hàng.

- Hiển thị thông báo sinh nhật của khách hàng trên gian hàng.

# Thông tin chức vụ trong hệ thống

1. Người quản lý – chủ tiệm: quản lý các tài khoản của nhân viên và nhân viên trong phạm vi cửa hàng, có tất cả chức năng của phần trong phần mềm.
2. Thư ký: là người sẽ thống kê tình trạng bán hàng, doanh thu theo chu kì, quản lý phần khuyến mãi của từng sản phẩm và quản lý tài khoản.
3. Thủ kho: quản lý nhập hàng từ nơi sản xuất; kiểm tra hàng hóa, thông báo tình trạng hàng lỗi, hàng tồn kho.
4. Nhân viên lập hóa đơn: thanh toán cho khác hàng.

# Quy trình

## Quy trình nhập hàng

Khi nhập hàng, thủ kho sẽ kiểm tra hàng hóa và đối chiếu với thông tin mà người quản lý để nhập hàng.

Sau khi quá trình nhập hàng hoàn thành, thủ kho phải cập nhật thông tin nếu có mặt hàng mới hay cập nhật them số lượng với mặt hàng hiện có.

## Quy trình bán hàng

Nhân viên lập hóa đơn sẽ quét mã vạch sản phẩm để thêm vào hay nhập từ bàn phím, sau khi nhập xong tất cả hàng hóa nhân viên bán hàng hỏi xem khách hàng có mã khuyến mãi hay không.

# Chức năng và phi chức năng

## Chức năng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chức năng | Mức user | Mức System |
| 1.Đăng nhập | 1. Người dùng chọn chức năng đăng nhập để sử dụng phần mềm.  2.Tài khoản có phân quyền.  3. Đăng xuất, thay đổi mật khẩu sau khi đăng nhập.  4.Quên mật khẩu | 1.1 Với tư cách người quản lý – chủ tiệm, tôi muốn sử dụng tất cả chức năng để tôi có thể quản lý một cửa hàng.  1.2 Với tư cách là thư ký, tôi muốn sử dụng chức năng thống kê, quản lý khuyến mãi, khách hàng và excel để mà báo cáo với chủ tiệm.  1.3 Với tư cách là thủ kho, tôi muốn sử dụng chức năng nhập hàng và xuất hàng hóa để mà tôi có thể quản lý việc nhập hàng từ nơi sản xuất và kiểm tra hàng hóa, hàng tồn kho.  1.4 Với tư cách là nhân viên lập hóa đơn, tôi muốn chức năng lập hóa đơn để thanh toán hàng hóa với khách hàng.  3.1 Mọi người dùng sau khi đăng nhập có thể thay đổi mật khẩu của mình.  4.1 Quên mật khẩu chỉ xuất hiện khi người dùng nhập sai mật khẩu quá 3 lần liên tiếp. |
| 2.Quản lý tài khoản nhân viên | 1. Thêm mới thông tin tài khoản.  2. Khóa tài khoản nhân viên.  3. Phân quyền cho các tài khoản.  4. Cập nhật thông tin tài khoản.  5. Xóa người dùng | 1.1 Với tư cách là người quản lý, tôi muốn quản lý nhân viên của tôi để mà tôi có thể khóa tài khoản nhân viên nghỉ việc hay tạo mới tài khoản nếu có thêm nhân viên.  1.2 Với tư cách là thư ký, tôi muốn quản lý nhân viên của cửa hàng để mà tôi có thể khóa tài khoản nhân viên nghĩ việc và cập nhật thông tin cần thiết.  2.1 Chỉ có quản lý mới có thể đóng tài khoản lại, không cho tài khoản đăng nhập vào hệ thống.  3.1 Phân quyền cho người dùng chỉ do Actor quản lý có thể tương tác và sử dụng được.  5.1 Nếu tài khoản bị khóa quá 6 tháng thì thông báo hiện lên và hỏi xem có xóa người dùng hay không. |
| 3. Quản lý khuyến mãi | 1. Thêm hay ẩn các loại khuyến mãi.  2.Sửa thông tin các khuyến mãi  3.Xem khuyến mãi được bao nhiêu khách hàng sử dụng.  4. Xóa khuyến mãi | 1.1 Với tư cách là thư ký , tôi muốn quản lý các chương trình khuyển mãi để mà giải quyết hàng tồn kho.  3.1 Hiển thị các nút chọn theo ngày, tháng, để khoanh vùng mã khuyến mãi.  3.2 Những mã khuyến mãi bị ẩn thì không hiển thị.  3.3 Xuất ra biểu đồ cột tứ ngày chọn đến bây giờ, hiện thị số lượng sản phẩm đã áp dụng khuyến mãi.  4.1 chỉ những khuyến mãi được tạo ra cách đây 1 năm thì hệ thống sẽ yêu cầu có xóa hay không. |
| 4. Quản lý nhập hàng | 1. Thêm, sửa phiếu nhập hàng.  2. Ẩn hay xóa phiếu nhập.  3. | 1.1 Với tư cách là thủ kho, tôi muốn quản lý nhập hàng để có thêm số lượng hàng bán ra.  2.1 Chỉ xóa phiếu nhập khi và chỉ khi người nhập vẫn còn trong quá trình tạo phiếu hoặc phiếu không có thông tin chi tiết của nhập hàng. |
| 5. Quản lý kho hàng | 1. Thêm mới sản phẩm, thương thiệu, xuất xứ và loại.  2. Cập nhật thông tin sản phẩm, thương thiệu, xuất xứ và loại.  3. Xóa (ẩn đi) sản phẩm, thương thiệu, xuất xứ và loại.  4. Phân loại sản phẩm theo nhiều tính chất.  5.Xem thông tin tồn kho. | 1.1 Với tư cách là thủ kho, tôi muốn quản lý kho hàng của cửa hàng để mà xử lý các hàng hóa tồn kho.  2.1 Nếu thông tin đã tồn tại thì yêu cầu người dùng nhập lai.  3.1 Chỉ xóa khi sản phẩm không còn trong các hóa đơn, khuyến mãi.  4.1 Với tư cách là thủ kho, tôi muốn thống kê kho hàng để quản lý hàng hóa.  4.2 Có đọc và xuất file excel.  5.1 Hiển thị các sản phẩm gần ngày hết hạn. |
| 6. Quản lý bán hàng | 1. Tạo mới và sửa hóa đơn.  2. Xóa, ẩn hóa đơn.  3. Tìm kiếm sản phẩm nếu không nhớ mã hàng.  4. Kết nối tới bộ phận quết mã vạch.  5. Hiển thị những hóa đơn bán trong ngày.  6. Xem xét tình trạng các hóa đơn, nhân viên nào bàn nhiều nhất, thời gian và ngày. | 1.1 Với tư các là nhân viên lập hóa đơn, tôi muốn lập hóa đơn để thanh toán cho khách hàng.  1.2 Kiểm tra mã khuyến mãi hợp lệ.  2.1 Chỉ xóa phiếu hóa đơn khi và chỉ khi người nhập vẫn còn trong quá trình tạo phiếu hoặc không có thông tin chi tiết của phiếu hóa đơn.  3.1 Có nhiều tùy chọn danh mục để tìm kiếm và giá trị tìm kiếm là gần đúng.  4.1 Hệ thống sẽ nhận thông tin đầu vào và đẩy lên mã sản phẩm, tìm kiếm thông tin và add sản phẩm vào hóa đơn.  5.1 Chỉ hiển thị những hóa đơn bắt đầu từ 7h sang đến 10h tối.  6.1 Với tư cách là quản lý, tôi muốn quản lý danh sách hóa đơn để mà có thể tìm lý do những ngày nào cửa hàng ế ẩm hay đông khác. |
| 7. Thống kê | 1. Thống kê doanh thu theo tháng, năm. | 1.1 Với tư cách là thư ký, tôi muốn thống kê doanh thu để tôi có thể nắm được tình trạng của cửa để báo cáo quản lý khi được yêu cầu.  2.1 Thống kê số tiền bán ra – số tiền nhập hàng theo tháng, qúy và năm. |

## Phi chức năng

Hệ thống đăng nhập ổn định, phân quyền dựa trên vị trí của từng bộ phận sẽ được sử dụng những chức năng nào.

Thông báo khi người sử dụng nhập sai thông tin không có trong hệ thống.

# Sơ đồ use case và active

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Use Case number:** | 1 | | | **Use Case Name:** | Đăng nhập | | | **Actor (s):** | Quản lý, thư ký, thủ kho, nhân viên | | | **Priority:** | Phải có | | | **Maturity:** | Fill & Focus | | | **Description:** | Các Actor sẽ đăng nhập vào hệ thống bán dày Anh Chung. Các chức năng sẽ tùy vào quyền của mỗi Actor sẽ được hiển thị. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | 1. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu. |  | |  | 2. Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin đăng nhập và mật khẩu để xác thực.  **E1** | |  | 3. Tùy vào quyền người dung mà họ có những chức năng tương ứng:  Quản lý:  Hóa đơn, Khuyến mãi, Nhập hàng, Hàng hóa, Thống kê, Quản lý tài khoản, Thông tin cá nhân, Đăng xuất  Thư ký:  Khuyến mãi, Thống kê, Quản lý tài khoản, Thông tin cá nhân ăng xuất  Thủ kho:  Nhập hàng, Hàng hóa, Thông tin cá nhân, Đăng xuất  Nhân viên bán hàng:  Hóa đơn, Thông tin cá nhân, Đăng xuất | |  | 4. Hệ thống sẽ đưa người dùng đến trang chủ của phần mềm. | | **Alternative Paths:** |  | | | **Exception Paths:** | E1. Nếu hệ thống không tìm được tên đăng nhập hay sai mật khẩu thì sẽ ở lại màn hình đăng nhập và hiển thị thông báo đăng nhập thất. | | | **Triggers:** | Người dùng chọn đăng nhập vào hệ thống. | | | **Preconditions:** | Tài khoản phải có sẵn  Tài khoản người dùng đã có phân quyền  Có kết nối tới database. | | | **Post Conditions:** | Đăng nhập thành công vào app.  Tùy vào quyền hạn mà người dùng sẽ thấy các chức năng dành cho mình. | | | **Business Rules:** | Người dùng nhập thông tin sai vào lần thứ 3 liên tiếp thì mật khẩu sẽ trở về mã đã được gửi qua số điện thoại. | | | **Activity Diagram:** | | | | **Non – Functional Requiretment:** | Bên phải có khung thông báo tối đa 3 cái, cứ sau 3 giây thì sẽ chuyển sang thông báo kế tiếp. | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | QL.TTNhanVien | | | | **Use Case Number:** | 2 | | | **Use Case Name:** | Quản lý tài khoản nhân viên | | | **Actor (s):** | Người quản lý, Thư ký | | | **Maturity:** | Fill & Focus | | | **Description:** | Chức năng quản lý nhân viên có thể khóa tài khoản nhân viên nghỉ việc hay tạo mới tài khoản nếu có thêm nhân viên, hoặc cập nhật thông tin nhân viên. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | Actor chọn Quản lý tài khoản nhân viên |  | |  | Hệ thống sẽ hiển thị các chức năng Thêm/cập nhật/xóa và danh sách các nhân viên. | | Actor thực hiện các thao tác Thêm/cập nhật/xóa.  **A1** |  | |  | Hệ thống xác thực tính hợp lệ của thay đổi.  **E1, E2** | |  | Actor lưu những thay đổi. |  | |  |  | Hệ thống lưu những thay đổi vào Database và hiển thị thông báo thành công. | | **Alternative Paths:** | A1. Actor thực hiện thao tác Hủy các thay đổi đã thực hiện, lúc này hệ thống sẽ không lưu những thay đổi vào Database và hiển thị thông báo không lưu. | | | **Exception Paths:** | E1. Nếu Actor nhập các thông tin không hợp lệ, hệ thống sẽ cảnh báo và Actor có thể thực hiện việc nhập lại.  E2. Actor không nhập đủ các thông tin của nhân viên, lúc này hệ thống sẽ thông báo và hiển thị lại các thông tin nhập trước đó để Actor có thể nhập đầy đủ các thông tin. | | | **Extension Points:** |  | | | **Triggers:** | Actor chọn chức năng Quản lý tài khoản nhân viên | | | **Assumptions:** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống.  Actor đã được cấp quyền thay đổi thông tin tài khoản nhân viên | | | **Preconditions:** | Actor đăng nhập vào hệ thống. | | | **Post Conditions:** | Tài khoản của nhân viên sẽ được thay đổi. | | | **Reference: Business Rules:** |  | | | **Reference: Risks** |  | | | **Activity Diagram:** | | | | **Author(s):** |  | | | **Date:** |  | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Use Case Number:** | 3 | | | **Use Case Name:** | Quản lý khuyến mãi | | | **Actor (s):** | Thư ký | | | **Maturity:** | Fill & Focus | | | **Description:** | Chức năng quản lý khuyến mãi có thể TẠO và KIỂM SOÁT toàn bộ các chương trình khuyến mãi của cửa hàng. Có thể tạo chương trình khuyến mãi mới, lựa chọn hình thức khuyến mãi, xem các chương trình khuyến mãi đang hoạt động hoặc điều chỉnh khuyến mãi. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | Người dùng chọn Quản lý thông tin khuyến mãi |  | |  | Hệ thống sẽ hiển thị các chương trình khuyến mãi, mặc định hiển thị các chương trình khuyến mãi đang kích hoạt. | | Người dùng thực hiện các tác vụ Xem khuyến mãi, Thêm khuyến mãi, Cập nhật khuyến mãi và Xóa khuyến mãi.  **A1, A2, A3, A4** |  | | Người dùng lưu những thay đổi. |  | |  | Hệ thống kiểm tra các thông tin người dùng thay đổi.  **E1** | |  | Hệ thống lưu những thay đổi vào Database và hiển thị thông báo thành công. | | **Alternative Paths:** | A1. Người dùng thực hiện tác vụ Xem khuyến mãi. Hệ thống hiển thị các Thông tin, Hình thức Khuyến mãi, Lịch sử Khuyến mãi - Đặt hàng, Lịch sử khuyến mại – Hóa đơn.  A2. Người dùng thực hiện tác vụ Thêm khuyến mãi. Hệ thống sẽ hiển thị form nhập các thông tin như: Mã chương trình, tên chương trình, trạng thái, ghi chú, hình thức khuyến mãi, thời gian áp dụng, phạm vi áp dụng.  A3. Người dùng thực hiện tác vụ Cập nhật khuyến mãi, người dùng chọn chương trình khuyến mãi cần cập nhật. Hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ thông tin khuyến mãi, người dùng chi được cập nhật khi chưa phát sinh giao dịch nào có khuyến mãi. Ngoài ra chỉ sửa được: Tên chương trình, Tình trạng, Thời gian áp dụng, Phạm vi áp dụng, Ghi chú . Không sửa được Hình thức khuyến mãi.  A4. Người dùng thực hiện tác vụ Xóa khuyến mãi, người dùng chọn khuyến mãi cần xóa và bấm Xóa. Hệ thống sẽ hiển thị cảnh báo: Bạn có chắc chắn muốn xóa hay không? Nếu chọn Có, hệ thống sẽ xóa chương trình khuyến mãi đó. | | | **Exception Paths:** | E1. Khi người dùng nhập thiếu hoặc sai thông tin, hệ thống sẽ hiển thị cảnh báo và yêu cầu nhập lại. | | | **Extension Points:** |  | | | **Triggers:** | Actor chọn chức năng Quản lý khuyến mãi | | | **Assumptions:** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống.  Actor đã được cấp quyền thay đổi các chương trình khuyến mãi. | | | **Preconditions:** | Actor đăng nhập vào hệ thống. | | | **Post Conditions:** | Các chương trình khuyến mãi được thêm/cập nhật/xóa thành công. | | | **Reference: Business Rules:** |  | | | **Reference: Risks** |  | | | **Activity Diagram:** | | | | **Author(s):** |  | | | **Date:** |  | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Use Case Number:** | 4 | | | **Use Case Name:** | Quản lý nhập hàng | | | **Actor (s):** | Thủ kho | | | **Maturity:** |  | | | **Summary:** | Chức năng quản lý nhập hàng có thể TẠO và KIỂM SOÁT toàn bộ các phiếu nhập của kho. Có thể tạo phiếu nhập mới, chỉnh sửa phiếu nhập , xem danh sách phiếu nhập. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | Người dùng chọn ….. |  | |  | Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các phiếu nhập. | | Người dùng thực hiện các tác vụ Xem phiếu nhập, tạo mới phiếu nhập, Cập nhật phiếu nhập và Xóa phiếu nhập.  **A1, A2, A3, A4** |  | | Người dùng lưu những thay đổi. |  | |  | Hệ thống kiểm tra các thông tin người dùng thay đổi.  **E1** | |  | Hệ thống lưu những thay đổi vào Database và hiển thị thông báo thành công. | | **Alternative Paths:** | A1. Người dùng thực hiện tác vụ Xem phiếu nhập. Hệ thống hiển thị các Thông tin:  ….  A2. Người dùng thực hiện tác vụ Thêm phiếu nhập. Hệ thống sẽ hiển thị form nhập các thông tin như: …  A3. Người dùng thực hiện tác vụ Cập nhật phiếu nhập, người dùng chọn phiếu nhập cần cập nhật. Hệ thống sẽ hiển thịthông tin phiếu nhập đó, người dùng chỉ được cập nhật khi chưa phát sinh giao dịch nào với phiếu nhập.  A4. Người dùng thực hiện tác vụ Xóa phiếu nhập, người dùng chọn phiếu nhập cần xóa và bấm Xóa. Hệ thống sẽ hiển thị cảnh báo: Bạn có chắc chắn muốn xóa hay không? Nếu chọn Có, hệ thống sẽ xóa phiếu nhập đó. | | | **Exception Paths:** | E1. Khi người dùng nhập thiếu hoặc sai thông tin, hệ thống sẽ hiển thị cảnh báo và yêu cầu nhập lại. | | | **Extension Points:** | Không | | | **Triggers:** | Actor chọn chức năng ….. | | | **Assumptions:** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống.  Actor đã được cấp quyền quản lý phiếu nhập | | | **Preconditions:** | Actor đăng nhập vào hệ thống. | | | **Post Conditions:** | Các phiếu nhập được thêm/cập nhật/xóa thành công. | | | **Reference: Business Rules:** |  | | | **Reference: Risks** |  | | | **Activity Diagram:** | | | | **Author(s):** |  | | | **Date:** |  | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Use Case number:** | 5 | | | **Use Case Name:** | Quản lý kho hàng | | | **Actor (s):** | Thủ kho | | | **Priority:** | Phải có | | | **Description:** | Thủ kho quản lý kho hàng, thông báo cho thư ký nếu có hàng tồn kho. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | 1. Thủ kho chọn chức năng quản lý kho hàng. |  | |  | 2. Hệ thống yêu cầu chọn hình thức quản lý:  Thêm, xóa, sửa hay tìm kiếm, báo cáo. | | 3. Thủ kho chọn tính năng.  **A1, A2, A3, A4, A5** |  | |  | 4. Hệ thống hiển thị mặt hàng tương ứng hoặc hiển thị thông báo. | | **Alternative Paths:** | A1 Người dùng chọn tính năng thêm sản phẩm **E1**  A2 Người dùng nhấn vào sản sản phẩm và chọn tính năng xóa sản phẩm, sản phẩm sẽ bị ẩn đi chứ không phải bị xóa khỏi cơ sở dữ liệu.  A3 Người dùng nhấn vào sản sản phẩm và chọn tính năng sửa sản phẩm **E2**  A4 Người dùng điền thông tin và chọn tính năng tìm kiếm.  A5 Người dùng chọn tính năng báo cáo **E3** | | | **Exception Paths:** | E1 Hệ thống sẽ báo lỗi nếu còn nhiều chỗ trống khi nhấn nút lưu sản phẩm.  E2 Hệ thống sẽ báo lỗi nếu còn nhiều chỗ trống khi nhấn nút sửu sản phẩm.  E3 Nếu hệ thống tìm thấy các 1 trong các thông tin sau Tiêu đề hay Nội dung trống thì sẽ hiện thị thông báo yêu cấu người dùng điền đầy đủ thông tin hoặc hủy báo cáo. | | | **Triggers:** |  | | | **Preconditions:** | Có thông tin nhân viên.  Có kết nối tới database. | | | **Post Conditions:** |  | | | **Business Rules:** |  | | | **Activity Diagram:** | | | | **Non – Functional Requiretment:** | Những cái có trên app nhưng ko để trong yêu cầu.vd: Màn hình đăng nhập có ô thông báo hiển thị nhấp nháy. | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | | | | **Use Case number:** | 6 | | | **Use Case Name:** | Quản lý bán hàng | | | **Actor (s):** | Nhân viên lập hóa đơn | | | **Priority:** | Phải có | | | **Description:** | Nhân viên bán hàng có thể nhập thông tin sản phẩm vào hóa đơn để tính tiền và in hóa đơn. | | | **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** | | 1. Nhân viên bán hàng chọn chức năng “Hóa đơn”. |  | |  | 2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm và tính năng. | | 3. Nhân viên nhấn vào tính năng tạo mới hóa đơn và nhập thông tin cho hóa đơn.  **A1, A2** |  | |  | 4. Hệ thống tạo hóa đơn.  **E1** | | 5. Nhân viên thêm sản phẩm và số lượng vào hóa đơn.  **A3** |  | |  | 6. Hệ thống tính tổng tiền.  **E2** | | 7. Nhân viên bán hàng làm xong hóa đơn và nhấn vào tính năng in hóa đơn. |  | |  | 8. Hệ thống lấy thông tin hóa đơn để in ra và lưu trữ thông tin hóa đơn. | | **Alternative Paths:** | A1 Người dùng có thể chọn tính năng sửa thông tin hóa đơn.  A2 Người dùng có thể chọn tính năng xóa hóa đơn.  A3 Người dùng có thể thêm nhiều sản phẩm hoặc dừng lại để in hóa đơn. | | | **Exception Paths:** | E1 Nếu các khung điền: số lượng, mã khuyến mãi sai thì hệ thống sẽ hiện thị thông báo lý do.  Số lượng là do nhập quá số lượng, ít hơn 0 và khác kiểu số thực.  Mã khuyến mãi phải có trong thời hạn khuyến mãi, nếu sai sẽ thông báo khuyến mãi không hợp lệ. | | | **Triggers:** | Người dùng muốn lập một hóa đơn cho khách hàng. | | | **Preconditions:** | Tài khoản phải có sẵn và có quyền quản lý hóa đơn.  Có kết nối tới database. | | | **Post Conditions:** | Tạo xong, cập nhật thông tin hóa đơn. | | | **Business Rules:** | 1. Xóa hóa đơn khi và chỉ khi hóa đơn đang trống.  2. Không thể xóa hay sửa các hóa đơn váo các ngày trước.  3. Trong một ngày người dùng có thể chỉnh sửa, tạo mới hay xóa hóa đơn.  4. Mã hóa đơn, tổng tiền, tiền khuyến mãi đều phải do hệ thống tính. | | | **Activity Diagram:** | | | | **Non – Functional Requiretment:** |  | | |

# Sơ đồ sequence

# Các từ chuyên ngành bán hàng

* Khủ kho: người làm chuyên kiểm kê hàng hóa kiêm nhập – xuất hàng.